TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2023
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng.

2. Bà Trần Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Y (tên gọi khác Vi Hải Y), sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm 1, xã TĐ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn TT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Y, ông Kh đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vi Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh qua tìm hiểm tự nguyện đã chung sống với nhau từ đầu năm 1999 đến nay nhưng không tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng bà chung sống tại thôn TT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ

chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Bà và ông Kh sống ly thân từ năm 2009 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông Kh không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Tuấn Kh là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 14/11/1999 và cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 07/6/2002. Hiện nay hai con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tuấn Kh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn Kh và bà Vi Thị Y qua tìm hiểm tự nguyện đã chung sống với nhau từ đầu năm 1999 đến nay nhưng không tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng ông chung sống tại thôn TT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Ông và bà Y sống ly thân từ năm 2009 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà Y không đăng ký kết hôn bà Y yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà Y là vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Y sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 14/11/1999 và cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 07/6/2002. Hiện nay hai con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh đều giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, về con chung: Có 02 con là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 14/11/1999 và cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 07/6/2002. Hiện nay hai con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2023 đại diện Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa cung cấp: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ tháng 01 năm 1999 đến nay không có trường hợp nào tên vợ là Vi Thị Y, sinh năm 1973,

tên chồng là Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm 1971 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 57 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y: Không công nhận quan hệ giữa bà Vi Thị Y với ông Nguyễn Tuấn Kh là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Y và ông Kh có 02 con là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 14/11/1999 và cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 07/6/2002. Hiện nay hai con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Vi Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Bà Vi Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà với ông Nguyễn Tuấn Kh là vợ chồng. Ông Nguyễn Tuấn Kh có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống bà Y và ông Kh đều xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Bà Y và ông Kh sống ly thân từ năm 2009 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà Y yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Kh, ông Kh đồng ý. Xét thấy yêu cầu của bà Y, ông Kh là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Y và ông Kh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày 14/11/1999 và cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 07/6/2002. Hiện nay cháu G và cháu V đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vi Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Tuấn Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Y (tên gọi khác Vi Hải Y).

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Vi Thị Y và ông Nguyễn Tuấn Kh là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Vi Thị Y phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0005551

ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành án phí. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Tuấn Kh không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc thịnh;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Thị Huệ